CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	59,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.0%	**-**	**9.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	31,000 - 88,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	71,514
Số lượng CPLH (CP)	1,201,911,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,780
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.68
EPS	1,325
P/E	44.9

DT thuần
Q2/25
4,627
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 883| 23.6%
YoY: ▼43.0| -0.9%

LN thuần
Q2/25
504
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 51.0| 11.1%
YoY: ▲ 14.0| 2.8%

LN sau thuế
Q2/25
650
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 283| 77.1%
YoY: ▼486| -42.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
18.0%
YoY: +/-▲ 4.3%

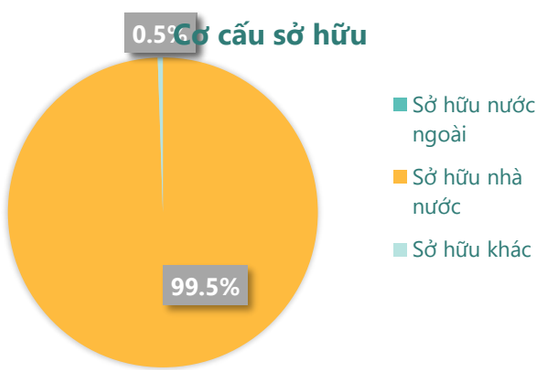
ROE (TTM)
Q2/25
9.3%
YoY: +/-▼ 2.4%

DT thuần
6T 2025
8,371
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105| 1.3%

LN thuần
6T 2025
957
tỷ VNĐ
YoY: ▼93.0| -8.9%

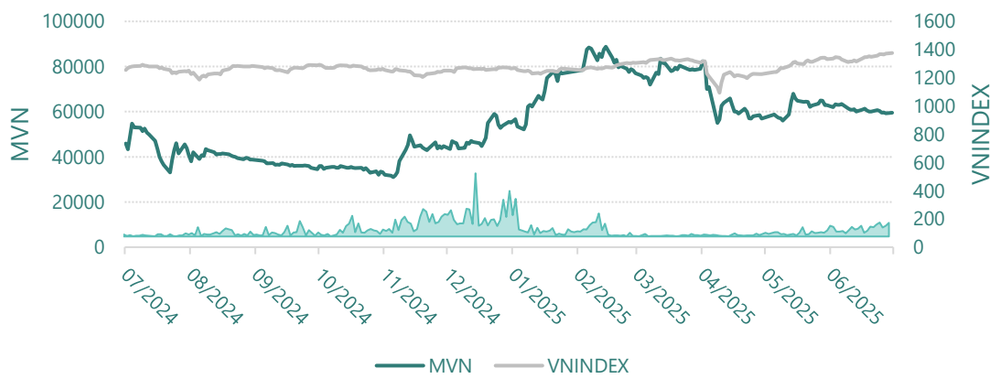
LN sau thuế
6T 2025
1,017
tỷ VNĐ
YoY: ▼599| -37.1%

Cơ cấu sở hữu

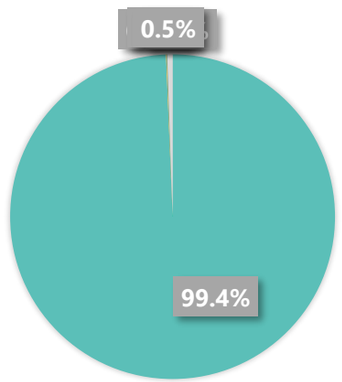


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

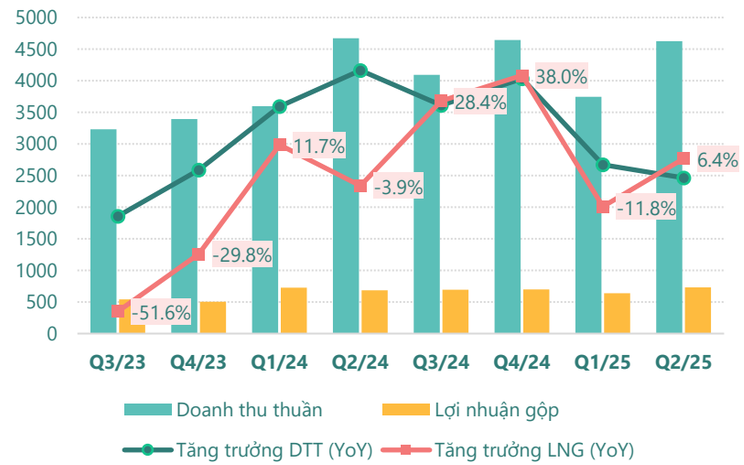


- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
- Bùi Tuấn Anh
- Trương Quang Anh Nguyên
- Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Đỗ Phương Hồng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

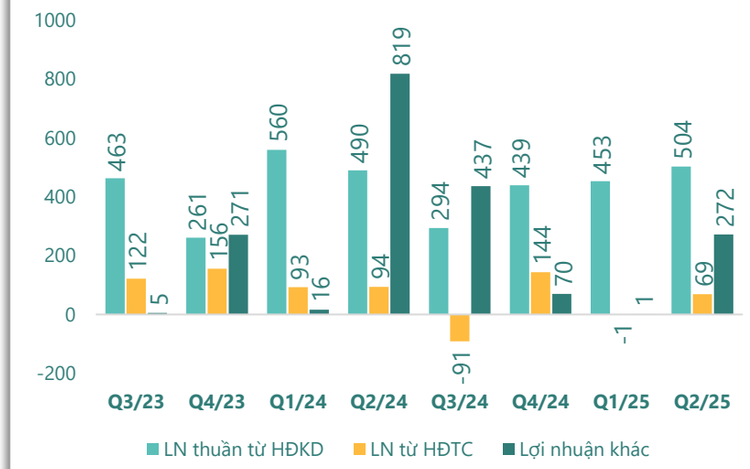
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



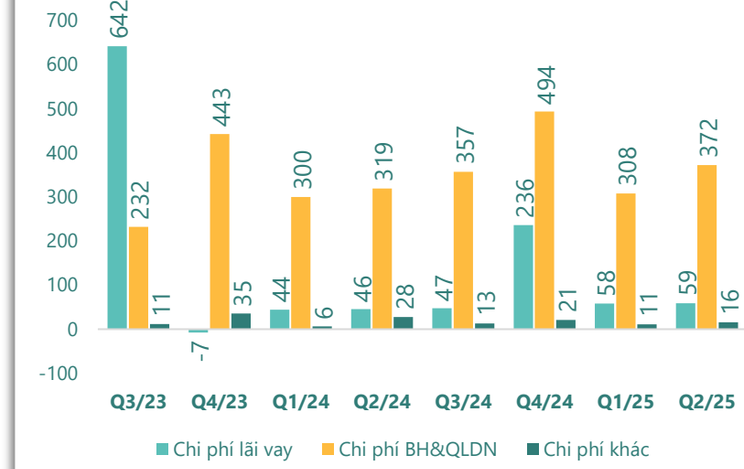
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



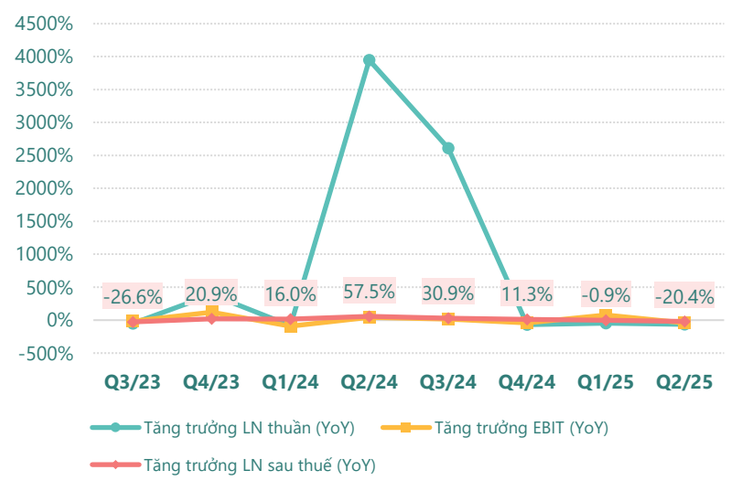
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



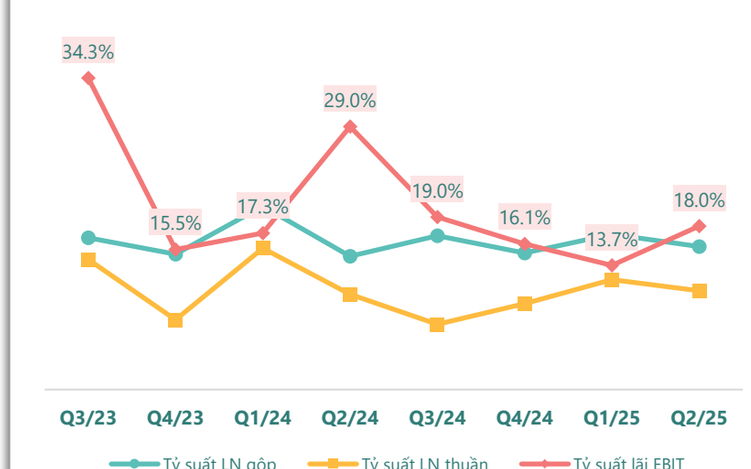
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



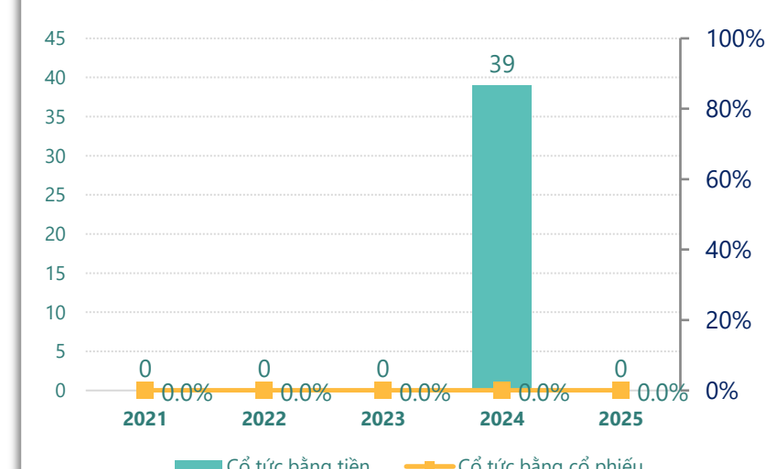
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

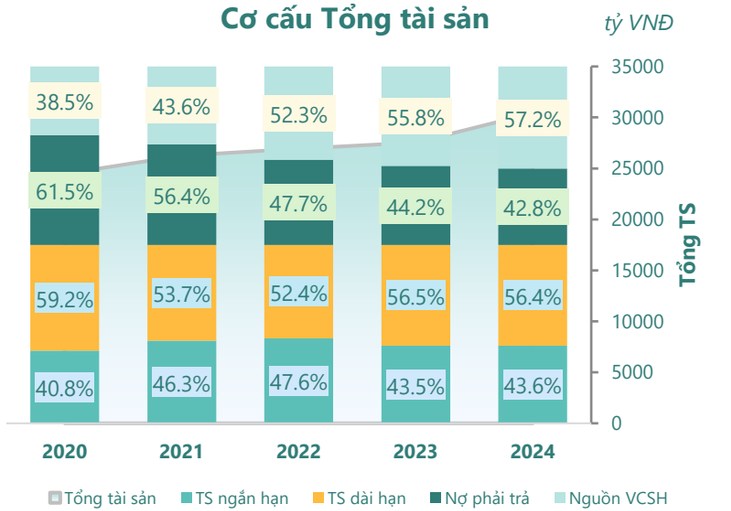
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

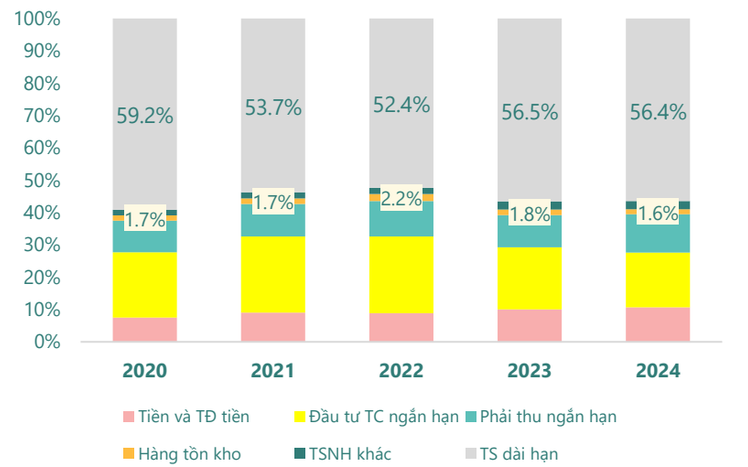
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



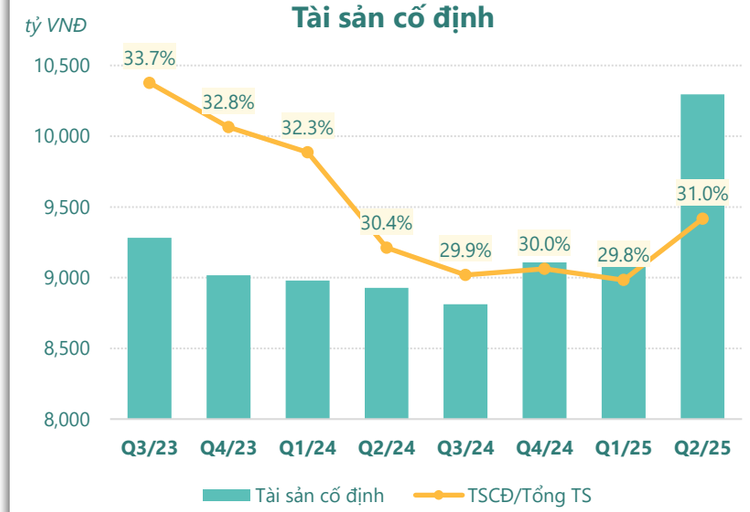
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



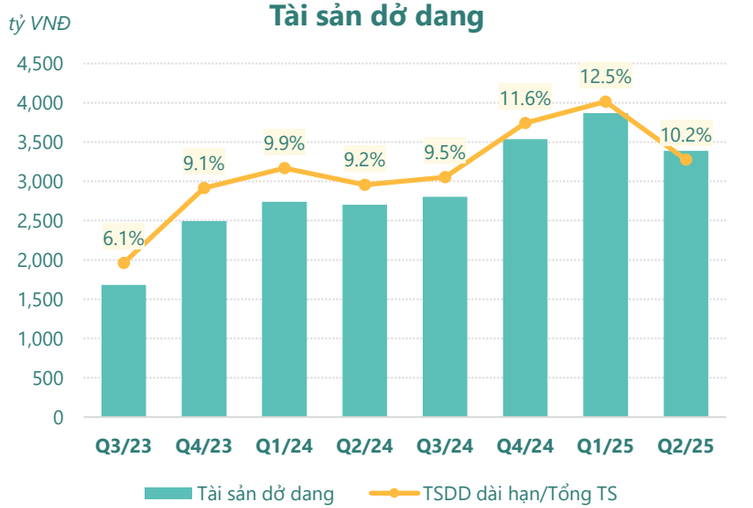
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



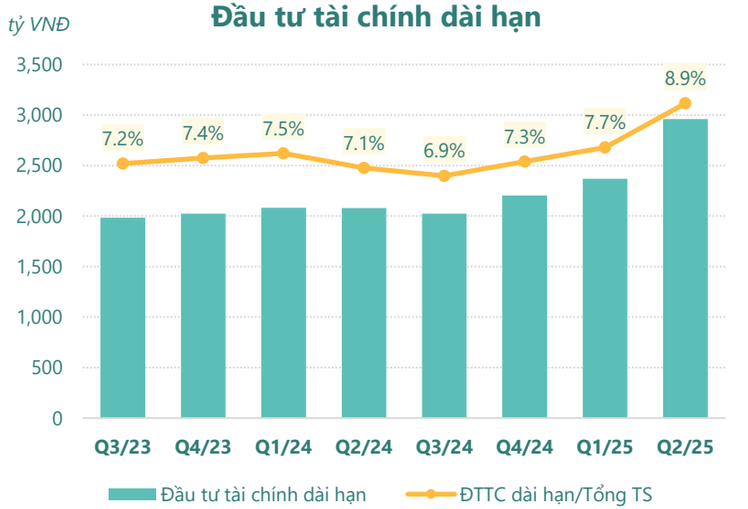
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



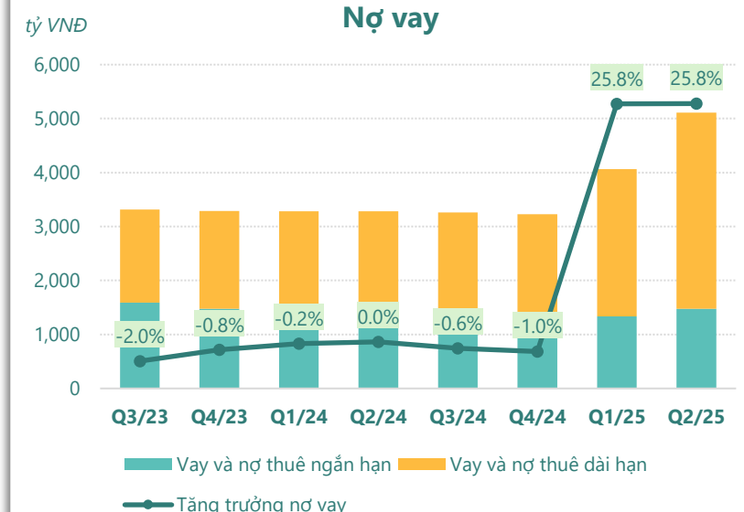
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

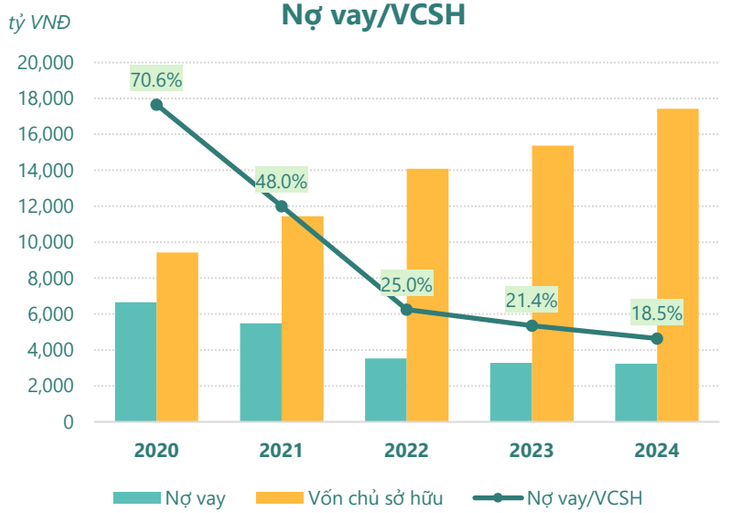
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

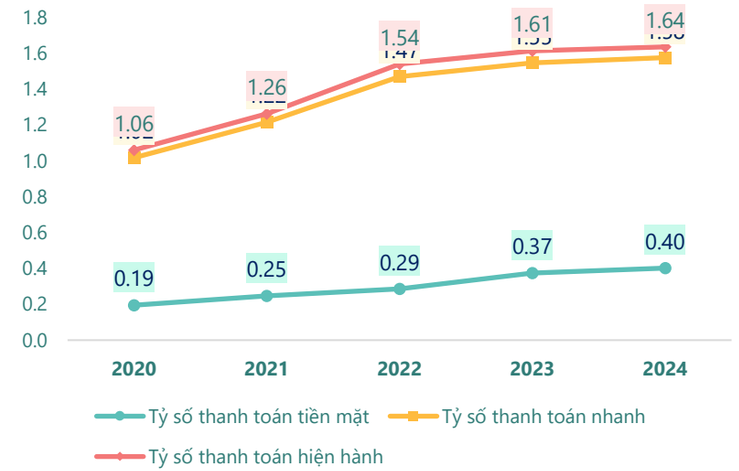
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



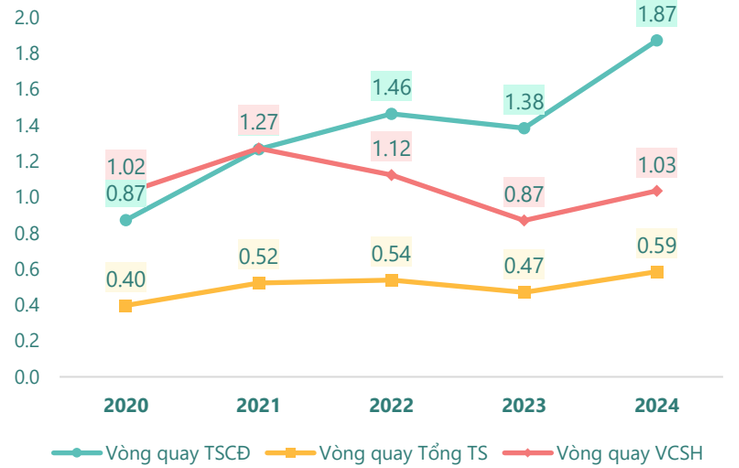
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



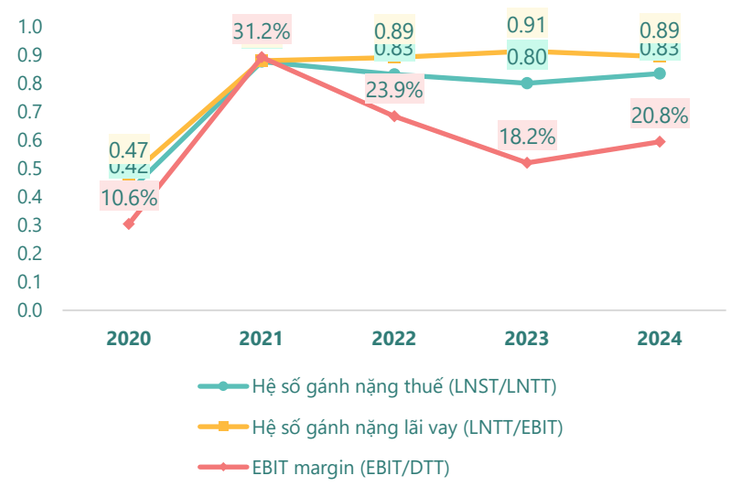
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



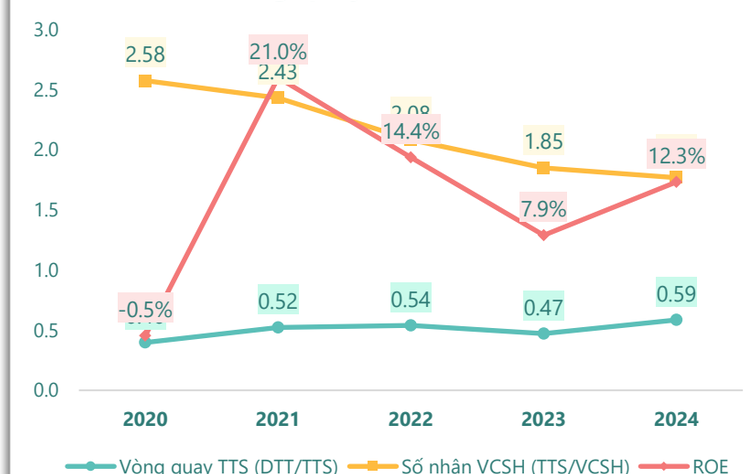
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



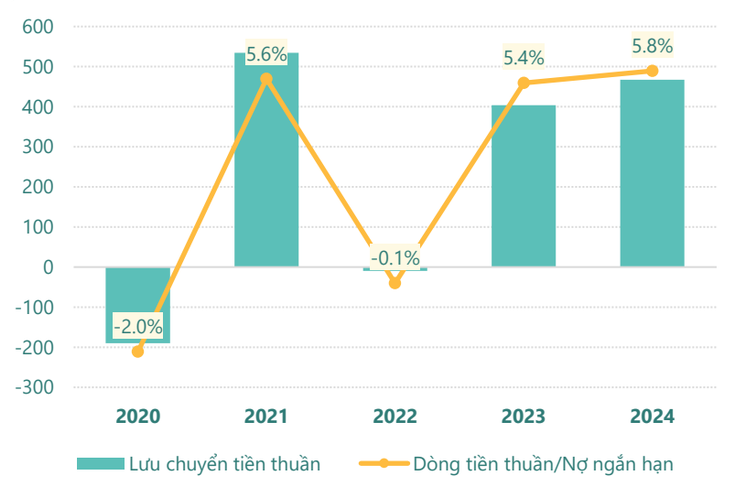
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,627**	**4,670**	**-0.9%**	**8,371**	**8,266**	**1.3%**
Giá vốn hàng bán	3,897	3,984	-2.2%	7,000	6,854	2.1%
Lợi nhuận gộp	730	686	6.4%	1,370	1,412	-3.0%
Doanh thu HĐTC	155	169	-8.3%	276	338	-18.2%
Chi phí TC	85.4	75.1	13.7%	208	151	38.2%
Chi phí lãi vay	58.7	45.5	29.0%	117	89.6	30.4%
LN trong công ty LKLD	**76.5**	**28.7**	**167%**	**198**	**69.1**	**187%**
Chi phí bán hàng	37.7	34.9	8.0%	69.1	65.5	5.6%
Chi phí QLDN	**335**	**284**	**17.9%**	**611**	**553**	**10.4%**
LN thuần từ HĐKD	504	490	2.8%	957	1,050	-8.9%
Lợi nhuận khác	**272**	**819**	**-66.8%**	**273**	**836**	**-67.3%**
LN trước thuế	776	1,309	-40.8%	1,230	1,886	-34.8%
Lợi nhuận sau thuế	**650**	**1,136**	**-42.8%**	**1,017**	**1,616**	**-37.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**505**	**854**	**-40.9%**	**775**	**1,196**	**-35.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.1	1,531	948	369	-725	1,465
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	622	-435	-268	-1,947	-412	-1,313
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.0	-15.5	-447	127	1,221	410
Tiền đầu kỳ	2,771	3,398	4,506	4,671	3,255	3,349
Lưu chuyển tiền thuần	**601**	**1,081**	**232**	**-1,450**	**83.6**	**562**
Ảnh hưởng tỷ giá	25.4	27.1	-67.2	91.4	10.0	6.16
Tiền cuối kỳ	3,398	4,506	4,671	3,312	3,349	3,917

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**33,245**	**30,425**	**9.3%**
Tài sản ngắn hạn	14,275	13,250	7.7%
Tiền và tương đương tiền	3,917	3,255	20.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5,212	5,139	1.4%
Phải thu ngắn hạn	3,780	3,607	4.8%
Hàng tồn kho	497	485	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	869	764	13.8%
Tài sản dài hạn	**18,970**	**17,175**	**10.5%**
Phải thu dài hạn	1,467	1,506	-2.6%
Tài sản cố định	10,295	9,101	13.1%
Bất động sản đầu tư	404	417	-3.1%
Tài sản dở dang	3,389	3,528	-3.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,959	2,220	33.3%
Tài sản dài hạn khác	**456**	**402**	**13.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15,296	13,008	17.6%
Nợ ngắn hạn	**8,737**	**8,100**	**7.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,478	1,281	15.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,684	1,698	-0.8%
Nợ dài hạn	6,560	4,908	33.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,632	1,949	86.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**17,948**	**17,417**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**17,948**	**17,417**	**3.1%**
Vốn điều lệ	12,006	12,006	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)